TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **157**/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 24 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213; Điều 396; khoản 4 Điều 397 và khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ x, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh **Trần Quang Ch**, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu x, xã Ch, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Tổ x, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Quang Ch thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị D và anh Ch được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ngày 16/7/2019 và Biên bản thỏa thuận về ly hôn , nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 16/7/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật , không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình , công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Trần Quang Ch thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Quang C h không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết .

[3]. Về tài sản chungChị D và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về khoản nợ chung: Chị D và anh Ch không có khoản nợ chung.

[5]. Về lệ phí : Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị D và anh Trần Quang Ch , mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày các đương sự thỏa thuận ly hôn và hòa giải thành (ly hôn, nuôi con), có đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải , đối thoại tại Tòa án (ngày 16/7/2019); nộp Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án cho Tòa án ngày 16/7/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Quang Ch thuận tình ly hôn.

Do công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Ch nên Giấy chứng nhận kết hôn, số 15 do Ủy ban nhân dân UBND phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/4/2016 không còn giá trị pháp lý

- **Về con chung**: Không có

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về khoản nợ chung**: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001443 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M . Chị D đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương